

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2011, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo"; Điều hành tour du lịch;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tạo mẫu; Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại; Môi giới hàng hải; Đại lý tàu biển; Đại lý bán vé tàu hỏa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, phô mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe; Dịch vụ bảo vệ;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình trừ bán buôn dược phẩm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải trừ vận tải đường hàng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Văn An	Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Hồng Minh	Trưởng ban kiểm soát

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐINH QUANG HIỀN

Số: 12.155/BCHNSX-DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011


TỔNG GIÁM ĐỐC
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L.

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.847.777.725	62.968.429.977
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21.440.175.321	21.998.947.937
1. Tiền	111		2.940.175.321	21.998.947.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	22.843.917.114	35.003.606.134
1. Phải thu khách hàng	131		10.540.422.031	14.913.737.593
2. Trả trước cho người bán	132		3.733.051.036	4.162.016.160
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		8.850.440.564	15.927.852.381
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(279.996.517)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	1.219.060.113	1.092.007.846
1. Hàng tồn kho	141		1.314.345.935	1.092.007.846
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.285.822)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.344.625.177	4.873.868.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	4.295.751.004	2.611.013.050
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.384.323	44.272.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		59.129.818	25.078.802
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.897.360.032	2.193.503.355

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.789.530.326	70.409.606.787
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		62.780.319.555	65.307.698.998
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	48.818.410.465	51.345.789.908
+ Nguyên giá	222		67.504.435.229	67.487.408.506
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.686.024.764)	(16.141.618.598)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	13.750.000.000	13.750.000.000
+ Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		211.909.090	211.909.090
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		8.053.163.112	2.257.163.112
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	8.053.163.112	2.257.163.112
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.956.047.659	2.844.744.677
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.061.273.186	738.835.256
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.7	694.821.199	304.456.147
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	2.199.953.274	1.801.453.274
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.637.308.051	133.378.036.764

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.133.481.083	32.617.332.075
I. Nợ ngắn hạn	310		16.286.631.684	15.572.811.971
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	46.309.998	186.490.000
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	1.613.060.790	1.611.905.570
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.876.241.215	3.333.197.928
5. Phải trả người lao động	315		1.074.317.477	1.942.967.355
6. Chi phí phải trả	316	5.12	3.122.855.867	1.522.280.737
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	7.553.846.337	4.975.970.381
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.846.849.399	17.044.520.104
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.689.254.350	2.697.054.350
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	9.000.000.000	14.258.486.960
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		157.595.049	88.978.794
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.503.826.968	100.760.704.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	101.503.826.968	100.760.704.689
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.451.648.215	18.708.525.936
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.637.308.051	133.378.036.764

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		5.884,46	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.830.086.490	39.919.771.625
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	39.830.086.490	39.919.771.625
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	34.399.878.417	32.011.701.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.430.208.073	7.908.069.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.444.063.122	1.529.169.006
7. Chi phí tài chính	22	6.4	912.840.691	1.654.964.835
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		901.915.741	1.642.137.735
8. Chi phí bán hàng	24		269.579.136	154.196.529
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	5.250.458.936	4.526.889.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		441.392.432	3.101.188.060
11. Thu nhập khác	31		500.709.157	69.442.847
12. Chi phí khác	32		122.889.806	378.144.985
13. Lợi nhuận khác	40		377.819.351	(308.702.138)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		819.211.783	2.792.485.922
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.6	466.454.555	640.461.700
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.7	(390.365.051)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		743.122.279	2.152.024.222
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		743.122.279	2.152.024.222
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80		93	269

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THANH DIỄM TRANG



ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		819.211.783	2.792.485.922
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.009.706.716	3.104.565.897
Các khoản dự phòng	03		375.282.339	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.466.474.395)	(850.894.790)
Chi phí lãi vay	06		901.915.741	1.642.137.735
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.639.642.184	6.688.294.764
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.901.908.288	(12.815.894.609)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(222.338.089)	370.748.874
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		3.804.008.448	586.310.663
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.007.175.884)	(1.717.943.485)
Tiền lãi vay đã trả	13		(901.915.741)	(1.642.137.735)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.079.961.984)	(720.283.530)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		262.500.000	487.070.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.867.400.000)	(190.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		11.529.267.222	(8.954.785.058)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(482.327.273)	(70.681.320)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		22.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.796.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.443.747.122	850.894.790
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.811.852.878)	780.213.470

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.258.486.960)	(10.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.276.186.960)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(558.772.616)	(18.174.571.588)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.998.947.937	23.926.768.426
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		21.440.175.321	5.752.196.838

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo"; Điều hành tour du lịch;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng; Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tạo mẫu; Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại; Môi giới hàng hải; Đại lý tàu biển; Đại lý bán vé tàu hỏa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe; Dịch vụ bảo vệ;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình trừ bán buôn dược phẩm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải trừ vận tải đường hàng không.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.4.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	01 Đường số 42, Phường 4, Quận 4	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1	100%	100%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài hình hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 33 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 24 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế như sau:
 - + Trích quỹ dự phòng tài chính
 - + Trích quỹ khen thưởng
 - + Trích quỹ phúc lợi
 - + Trích quỹ đầu tư phát triển

Tỷ lệ trích các quỹ do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.11. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	693.904.264	1.775.831.780
Tiền gửi ngân hàng	2.246.271.057	20.223.116.157
Tiền gửi có kỳ hạn	18.500.000.000	-
Tổng cộng	21.440.175.321	21.998.947.937

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	10.540.422.031	14.913.737.593
Trả trước cho người bán	3.733.051.036	4.162.016.160
Các khoản phải thu khác	8.850.440.564	15.927.852.381
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	23.123.913.631	35.003.606.134
Dự phòng phải thu khó đòi	(279.996.517)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	22.843.917.114	35.003.606.134

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu của các cá nhân đi XKLD	888.501.997	1.106.853.430
Phải thu tiền vé máy bay	1.195.620.247	14.229.570
Trích trước lãi tiền gửi ngân hàng	265.970.403	-
Phải thu khác	6.500.347.917	14.806.769.381
Cộng	8.850.440.564	15.927.852.381

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	572.202.768	501.548.312
Công cụ, dụng cụ	27.823.053	26.729.553
Hàng hóa	714.320.114	563.729.981
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.314.345.935	1.092.007.846
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.822)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	1.219.060.113	1.092.007.846

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	516.796.521	364.939.146
Chi phí chờ kết chuyển	3.778.954.483	2.246.073.904
Tổng cộng	4.295.751.004	2.611.013.050

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	2.029.656.632	1.954.099.955
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.867.703.400	239.403.400
Tổng cộng	3.897.360.032	2.193.503.355

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	DVT: ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.383.565	592.569	64.891.046	620.228	67.487.408
Mua trong kỳ	-	-	482.327	-	482.327
Thanh lý, nhượng bán	-	-	465.301	-	465.301
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.383.565	592.569	64.908.072	620.228	67.504.434
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.083.720	444.478	14.189.488	423.933	16.141.619
Khấu hao trong kỳ	4.284	16.468	2.950.674	38.280	3.009.707
Thanh lý, nhượng bán	-	-	465.301	-	465.301
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.088.004	460.946	16.674.861	462.213	18.686.025
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	299.846	148.091	50.701.558	196.296	51.345.790
Tại ngày cuối kỳ	295.561	131.623	48.233.211	158.015	48.818.419

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 23.954.176.867 đồng
Xem thêm mục 5.14.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.389.639.351 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08/09/2003. Một phần giá trị của tài sản đã dùng thế chấp cho khoản vay dài hạn - Xem thêm mục 5.14.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Đầu tư Giải trí Phước Sang	2.177.147.112	2.177.147.112
Tập đoàn Radius	80.016.000	80.016.000
Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	-
Tổng cộng	8.053.163.112	2.257.163.112

5.9. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.100.000	1.000.100.000
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ thuê xe	378.000.000	-
Ký quỹ khác	20.500.000	-
Tổng cộng	2.199.953.274	1.801.453.274

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	46.309.998	186.490.000
Người mua trả tiền trước	1.613.060.790	1.611.905.570
Tổng cộng	1.659.370.788	1.798.395.570

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	309.690.211	176.829.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.497.124.791	3.107.945.731
Thuế thu nhập cá nhân	16.511.999	212.970
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	52.914.214	48.209.289
Tổng cộng	2.876.241.215	3.333.197.928

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí đào tạo lái xe	655.463.431	485.888.633
Chi phí dịch vụ lữ hành	1.224.093.418	227.550.189
Chi phí khác	1.243.299.018	808.841.915
Tổng cộng	3.122.855.867	1.522.280.737

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	64.883.619	24.852.552
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	386.888.685	190.744.469
Phải trả về cổ phần hóa	139.300.000	139.300.000
Cổ tức năm 2008 chưa chi	2.436.655.130	2.454.355.130
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.526.118.903	2.166.718.230
Tổng cộng	7.553.846.337	4.975.970.381

Trong đó khoản phải trả cổ tức năm 2008 có khoản cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn là 2.000.000.000 đồng – Xem thêm mục 7.

5.14. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng để đầu tư mua 100 xe Toyota Vios 1,5 E để phục vụ kinh doanh dịch vụ vận chuyển taxi. Thời hạn vay là 05 năm với lãi suất 19%/năm. Tài sản thế chấp gồm: Tài sản hình thành từ hợp đồng vay và một phần tài sản vô hình – Xem thêm mục 5.6 và 5.7.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	DVT: ngàn đồng			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000	2.052.179	9.258.527	91.310.706
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	9.961.299	9.961.299
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(511.300)	(511.300)
Số dư đầu năm nay	80.000.000	2.052.179	18.708.526	100.760.705
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	743.122	743.122
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	80.000.000	2.052.179	19.451.648	101.503.827

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	13.808.640.000
Vốn góp của các đối tượng khác	42.906.420.000	42.906.420.000
Tổng cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

5.15.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của Công ty	743.122.279	2.152.024.222
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	93	269

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	682.053.205	824.123.139
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.148.033.285	39.095.648.486
Doanh thu thuần	39.830.086.490	39.919.771.625

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	528.543.148	715.867.375
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.776.049.447	31.295.834.612
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	95.285.822	-
Tổng cộng	34.399.878.417	32.011.701.987

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.443.747.122	850.894.790
Lãi phạt quá hạn	-	643.880.450
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	6.296.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	316.000	28.097.166
Tổng cộng	1.444.063.122	1.529.169.006

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	901.915.741	1.642.137.735
Chi phí hoạt động tài chính khác	10.924.950	12.827.100
Tổng cộng	912.840.691	1.654.964.835

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.520.932.907	2.223.364.725
Chi phí đồ dùng văn phòng	594.117.617	112.811.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.633.441	85.713.050
Thuế, phí và lệ phí	139.203.038	15.426.968
Chi phí dự phòng	279.996.517	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.642.129	200.011.658
Chi phí khác bằng tiền	1.418.933.287	1.889.561.447
Tổng cộng	5.250.458.936	4.526.889.220

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	819.211.783	2.792.485.922
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.014.581.749	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.833.793.532	2.792.485.922
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính theo từng loại thuế suất	466.454.555	640.461.700
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(390.365.051)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	743.122.279	2.152.024.222

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí không hợp lệ.

6.7. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ và kỳ trước được trình bày như sau:

	Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	Khấu hao TSCĐ	Chi phí trích trước	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm trước	-	-	304.456.147	304.456.147
Số dư đầu năm nay	-	-	304.456.147	304.456.147
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh kỳ này	6.404.937	25.014.319	358.945.795	390.365.051
Số dư cuối kỳ	6.404.937	25.014.319	663.401.942	694.821.199

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN CHUYỀN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Cổ đông
2. Công ty TNHH Thép Vinh Đa	Cổ đông

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn	-	(2.000.000.000)
Phải trả khác - xem thêm mục 5.13	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tổng cộng	(2.000.000.000)	(4.000.000.000)

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Tổng Giám đốc	429.672.490	343.948.694
Lương các nhân viên chủ chốt khác	808.226.621	1.056.251.052
Tổng cộng	1.237.899.111	1.400.199.746

8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.229.983.306	1.163.449.817

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2011, cổ phiếu của Công ty đã chính thức niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là STT.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 08 năm 2011.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIẾN